

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/DS-PT**

Ngày: 18-3-2021

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng
Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 261/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 48/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019): Bà Phan Thị Hoàng A, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp A, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A1, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1961.
2. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1991
3. Cháu Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 2015.
4. Cháu Nguyễn Trọng S, sinh năm 2018.

Người đại diện hợp pháp của hai cháu T và S: Anh Nguyễn Văn C1.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Nguyễn Văn Phong E, sinh năm 1987.
6. Chị Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1989.
7. Cháu Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 2011.
8. Cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2014.

Người đại diện hợp pháp của hai cháu H và Đ: Anh Nguyễn Văn Phong E và chị Nguyễn Thị Mỹ T1.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

9. Bà Nguyễn Thị E1, sinh năm 1969.
10. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, anh C1, anh E, chị T1, bà E1 và ông X: Ông Nguyễn Văn A1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện vào ngày 13/5/2019 và đơn khởi kiện bổ sung vào ngày 16/4/2020 của bà Nguyễn Ngọc M; lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của bà M - chị Phan Thị Hoàng A:*

Năm 1960, khi thành lập ấp chiến lược chế độ cũ đã chia cho mỗi hộ dân 1000m² đất và ai muốn nhận chỗ nào thì nhận. Gia đình bà M đã nhận phần đất từ nhà bà S1 ra tới mặt đường, bên chỗ ông Nguyễn Văn A1 và bà Dương Ánh L còn 163,1m². Trước năm 1975, mẹ bà M là bà Nguyễn Thị N có sử dụng một phần thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 có diện tích 99,2m² (theo đo đạc thực tế hiện nay là 101,1m²) tại xã B, huyện C. Năm 1991, sau khi bà N chết, bà M tiếp tục sử dụng đất cho đến năm 1998 thì được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất 5461m² (gồm 5158m² của thửa đất số 03, tờ bản đồ 06; 37m² của thửa đất số 129 và 266m² của thửa đất số 127, tờ bản đồ số 21 xã B), nhưng phần đất 101,1m² cắt từ thửa 225, tờ bản đồ 06 xã B đang tranh chấp với ông A thì bà M không được cấp. Trong khi đó, phần đất có diện tích 266m²

thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 06, xã B của bà Phan Thị S1 thì lại cấp nhầm cho bà M (UBND huyện Nhơn Trạch đã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp nhầm cho bà M).

Hiện tại, toàn bộ phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng bà M đã chuyển nhượng hết, riêng phần đất theo đo đạc thực tế 101,1m² bà M tranh chấp với ông A thì bà M xác định đã bị ông A lấn chiếm khoảng năm 2010 – 2011, nhưng vì chỗ hàng xóm nên thời điểm đó bà M không làm đơn khiếu nại hay tranh chấp với ông A. Đến đầu tháng 3/2019, do ông A tiếp tục nhổ cọc bê tông trên đất của bà M nên bà M mới làm đơn khiếu nại ông A ra UBND xã B. Năm 1998, khi bà M được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Võ Thị Đ1, mẹ của ông A cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đó do bà Đ1 cũng không được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất hiện bà M đang tranh chấp nên bà M mới không khiếu nại bà Đ1. Bà M khẳng định phần đất 101,1m² trước đây là đất vũng, sau này ông A đắp đất xây nhà và hiện đã dỡ nhà nên chỉ còn lại nền gạch.

Bà M thống nhất với Bản đồ hiện trạng thửa đất số 6666/2019 ngày 24/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch và Chứng thư thẩm định giá số 107/TĐG-CT ngày 15/01/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai nên đề nghị Tòa án căn cứ theo các kết quả trên làm cơ sở giải quyết vụ án. Đối với sơ đồ chồng ghép giữa tờ bản đồ số 21 (thành lập 1997) và tờ bản đồ số 29 (thành lập 2009) số 2439 ngày 15/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch, bà M cũng thống nhất và không có ý kiến thắc mắc gì.

Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A phải trả lại cho bà M phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế là 101,1m² thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 xã B. Đối với vợ con ông A đang ở trên đất bà M xác định không khởi kiện họ và cũng không yêu cầu đưa họ vào tham gia tố tụng vì thực tế phần đất trên ông A là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng là người trực tiếp lấn chiếm. Đối với những người làm chứng ông A đưa ra như ông Nguyễn Văn Q, ông Trương Văn C2, ông Huỳnh Văn T2, bà Dương Ánh L là hoàn toàn không khách quan vì tất cả họ đều có quan hệ bà con với ông A.

** Theo đơn tường trình và kiến nghị ngày 17/6/2019, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của ông Nguyễn Văn A1:*

Năm 1960, khi chế độ cũ thành lập ấp chiến lược đã chia cho mỗi hộ dân một công đất khoảng hơn 700m² để sử dụng. Đất được phân thành các lô và khi đó ông và bà M mới sinh nên sự việc trên chỉ biết qua ông bà nói lại. Gia đình ông đã nhận đất và sinh sống trên đất từ đó đến nay, trong phần đất hơn 700m²

được nhận thì có bao gồm cả phần đất gò và phần đất biên lá. Do ông bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên khi làm lại nhà nước chỉ đo phần đất gò gia đình ông đang ở và cấp giấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông với diện tích 389,1m² và phần đất còn thiếu ông sẽ làm thủ tục xin cấp lại sau.

Phần đất gia đình ông sử dụng cách đất phần đất của gia đình bà M một con đường công cộng gần 03m và từ trước đến nay có ranh giới rõ ràng không ai tranh chấp. Gia đình ông ở trên đất từ năm 1960 tới nay, mẹ ông (bà Võ Thị Đ1) cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1993, sau khi được cấp đổi sổ vào năm 2013 thì đến năm 2018 mẹ ông đã làm giấy tặng cho ông toàn bộ phần diện tích đất nêu trên. Ông khẳng định phần đất bà M tranh chấp đã được gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1960 đến nay và có giấy tờ pháp lý rõ ràng, trên thực tế phần đất của gia đình ông hoàn toàn không liền ranh hay cận kề gì với đất của gia đình bà M, hiện tại bà M cũng không còn đất vì đã bán hết. Hiện tại phần đất có diện tích 101,1m² thuộc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 xã B là nền gạch bông do vào năm 2002 ông cất nhà ở và năm 2018 thì tháo dỡ nhà dời vào bên trong, vì vậy nên việc bà M cho rằng ông lấn chiếm đất của bà M vào khoảng năm 2010 – 2011 là hoàn toàn không đúng nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Ông thống nhất bản vẽ số 6666/2019 ngày 24/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch cũng như chứng thư thẩm định giá số 107/TĐG-CT ngày 15/1/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai và đề nghị Tòa án lấy kết quả trên làm cơ sở giải quyết vụ án. Đối với sơ đồ chồng ghép giữa tờ bản đồ 21 thành lập năm 1997 và tờ bản đồ 29 thành lập 2009 (số 2439 ngày 15/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Nhơn Trạch) ông cũng thống nhất và không có ý kiến gì. Việc bà M cho rằng những người làm chứng mà ông đưa ra như ông Nguyễn Văn Q, ông Trương Văn C2, ông Huỳnh Văn T2, bà Dương Ánh L không khách quan vì đều có quan hệ họ hàng với ông là không đúng, ông khẳng định họ chỉ là hàng xóm với ông và trong đó thì bà Dương Ánh L là chị em bạn dì ruột với bà M.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, anh Nguyễn Văn C1, anh Nguyễn Văn Phong E, chị Nguyễn Thị Mỹ T1, ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị E1 (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn A1 làm đại diện) trình bày:*

Chúng tôi thống nhất toàn bộ lời trình bày của ông A, không có ý kiến bổ sung và thắc mắc gì. Nay chúng tôi cũng không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 07/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 220,

266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn A1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Ngọc M có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm của người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Qua lời trình bày của các bên đương sự, đối chiếu với các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ xét thấy thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 xã B là một phần của thửa 97(cũ) và một phần của thửa 128 xã B. Thửa đất số 97 vào năm 2008 đã được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSDĐ số AN 299517 với diện tích 464m² cho bà Đ1 và năm 2013, bà Đ1 đã chuyển nhượng 114m² cho ông Hoàng Huy D. Theo Văn bản số 2410/UBND-TP ngày 25/3/2019 của UBND huyện Nhơn Trạch thì phần diện tích còn lại bà Đ1 cũng đã được UBND huyện Nhơn Trạch cấp giấy CNQSDĐ số BK 399731 có số thửa mới là 225, tờ bản đồ số 29 xã B với diện tích là 398,1m².

Tại Biên bản xác minh ngày 12/8/2020, Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện C cũng cho biết ngoài việc sử dụng phần diện tích thửa đất số 97 thì bà Đ1 còn sử dụng một phần diện tích thửa đất số 128 cũ (chưa được cấp giấy CNQSDĐ). Sau đó bà Đ1 đăng ký cấp đổi lại giấy CNQSDĐ thì qua đo vẽ thực tế cùng với việc xác nhận đất không tranh chấp và đề nghị cấp giấy CNQSDĐ cho bà Đ1 của UBND xã B, UBND huyện Nhơn Trạch đã cấp đổi lại giấy CNQSDĐ đất cho bà Đ1 gồm phần diện tích thửa đất số 128 và phần còn lại của thửa đất số 97 cũ (350m²) thành thửa đất số 225 với tổng diện tích là 389,1m².

Như vậy, đất tranh chấp có nguồn gốc do cụ Đ1 sử dụng và tặng cho lại ông A, việc bà M cho rằng ông A lấn chiếm phần đất có nguồn gốc từ mẹ bà M

để lại cho bà M nhưng không cung cấp được tài liệu giấy tờ gì để chứng minh, đồng thời trên thực tế bà M cũng không trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1996 (thời điểm bà M khai được mẹ cho đất). Mặt khác theo bà M thừa nhận thì khi được cấp giấy CNQSDĐ, bà M cũng đã biết giấy CNQSDĐ không có phần đất đang tranh chấp nhưng bà M không thắc mắc khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền và khi cụ Đ1 được cấp giấy CNQSDĐ rồi tặng cho lại ông A, bà M cũng không khiếu nại. Như vậy, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà M, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc M trong hạn luật định và bà M cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo: Xét thấy tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Ngọc M cũng như người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Phan Thị Hoàng A trước sau đều cho rằng phần đất có diện tích 101,1m² thuộc thửa 225, tờ bản đồ số 29 xã B, huyện C hiện bà M đang tranh chấp với ông Nguyễn Văn A1 là của mẹ ruột bà M để lại cho bà M từ năm 1991. Năm 1993, nhà nước đo đạc phần diện tích đất bà M sử dụng và năm 1998 thì cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M với diện tích là 5461m² nhưng không cấp quyền sử dụng phần đất 101,1m² cắt ra từ thửa đất số 225, tờ bản đồ 29 xã B hiện đang tranh chấp cho bà M. Ngoài ra, cả hai cũng xác định năm 1998, mặc dù biết bà Võ Thị Đ1 (mẹ ruột ông A) cũng được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do phần đất tranh chấp bà Đ1 cũng không được cấp quyền sử dụng nên bà M không tranh chấp. Khoảng năm 2010 – 2011, bà M đã biết ông A lấn chiếm phần đất 101,1m² của bà M nhưng vì chỗ hàng xóm nên bà M cũng không làm đơn khiếu nại hay tranh chấp gì với ông A, đến đầu tháng 3/2019 vì ông A tiếp tục nhổ cọc bê tông trên đất của bà M nên bà M mới làm đơn khiếu nại ông A ra UBND xã B.

Về phía ông Nguyễn Văn A1 thì khẳng định hoàn toàn không lấn chiếm đất của bà M. Ông A xác định phần đất bà M tranh chấp là của gia đình ông A

sử dụng từ năm 1960, năm 1993 mẹ ruột ông A là bà Võ Thị Đ1 đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy nhận quyền sử dụng đất, năm 2013 bà Đ1 được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và năm 2018 thì làm thủ tục tặng cho ông A toàn bộ phần đất diện tích 398,1m² thuộc thửa 225, tờ bản đồ 29 xã B.

Quá trình giải quyết vụ án phía bà M xác định diện tích đất 101,1m² cắt từ thửa 225, tờ bản đồ 29 xã B trước năm 1975 được gia đình bà M sử dụng làm bến ghe. Năm 1991 mẹ bà M chết nên phần đất được để lại cho bà M và từ năm 1996 thì phần đất được để trống không canh tác sử dụng gì. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh vào ngày 19/5/2020 tại UBND xã B thể hiện phần diện tích đất 101,1m² cắt từ thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 xã B hiện do ông A trực tiếp quản lý sử dụng, nguồn gốc đất là do bà Võ Thị Đ1 tặng cho lại ông A, bà Đ1 là người trực tiếp kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhận thấy từ khi bà Đ1 được xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho đến khi được cấp đổi lại giấy mới và sau đó tặng cho lại toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông A thì hoàn toàn không có ai (kể cả bà M) khiếu nại hoặc tranh chấp gì với bà Đ1. Việc bà M thừa nhận từ trước đến nay không làm thủ tục đăng ký kê khai phần diện tích đất tranh chấp, không quản lý sử dụng và cũng không tranh chấp với ông A mặc dù biết ông A lấn chiếm đất từ năm 2010 – 2011 cho thấy bà M đã mặc nhiên thừa nhận phần diện tích đất 101,1m² là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông A.

[4] Từ các cơ sở nhận định trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông A phải trả lại cho bà M phần đất 101,1m² thuộc một phần thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 xã B, huyện C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án vào ngày 04/6/2019, nhưng tại phần quyết định của bản án lại áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết là không đúng quy định nên cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu 300.000 đồng.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 07/9/2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn A1 phải trả lại phần đất diện tích 101,1m² thuộc một phần thửa đất số 225, tờ bản đồ số 29 xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu 15.655.090 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp tại biên lai số 0000735 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch; Trả lại cho bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000236 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà M đã nộp tại biên lai số 0000745 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thảo

